KHAI THÁC VĂN HÓA DÂN GIAN TRONG NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN CỦA MV V-POP ĐƯƠNG ĐẠI

NGUYỄN ĐỖ CÁT THOẠI*
ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG**

Tóm tắt

Bài viết phân tích cách thức các yếu tố văn hóa dân gian Việt Nam được vận dụng như một chiến lược kể chuyện trong các video âm nhạc V-pop đương đại. Trên cơ sở khung lý thuyết về văn hóa dân gian và nghệ thuật kể chuyện thị giác, bài viết tiến hành phân tích nội dung định tính 20 MV phát hành trong giai đoạn 2016 - 2025. Kết quả cho thấy, các yếu tố văn hoá dân gian không chỉ xuất hiện với vai trò minh họa, mà còn giữ vị trí trung tâm trong việc kiến tạo cốt truyện, nhân vật, bối cảnh, biểu tượng và thông điệp nghệ thuật. Thông qua việc tích hợp văn học truyền miệng, tín ngưỡng - lễ hội, nghệ thuật dân gian, tập quán - phong tục và tri thức bản địa vào ngôn ngữ kể chuyện hiện đại, các nghệ sĩ V-pop đã góp phần tái cấu trúc bản sắc văn hóa Việt Nam trong môi trường truyền thông số, đồng thời, tạo dấu ấn thẩm mỹ riêng biệt trên thị trường âm nhạc toàn cầu. Bài viết gợi mở ý nghĩa lý luận về sự vận động của văn hóa dân gian trong bối cảnh đương đại, đồng thời, cung cấp gợi ý thực tiễn cho việc phát huy giá trị di sản trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật và công nghiệp văn hóa.

Từ khóa: Văn hóa dân gian, kể chuyện, MV V-pop, bản sắc văn hóa, truyền thông số.

1. Mở đầu

Trong quá trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa, các sản phẩm văn hóa đại chúng tại Việt Nam đã và đang giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo thẩm mỹ, biểu đạt bản sắc và phản ánh những chuyển động xã hội đương đại. Âm nhạc đại chúng, đặc biệt là dòng nhạc V-pop, không chỉ là phương tiện giải trí phổ biến, mà còn là không gian sáng tạo nơi nghệ sĩ thể hiện thế giới quan, giá trị văn hóa và chiến lược truyền thông của mình thông qua sự kết hợp giữa lời ca, âm nhạc, hình ảnh và biểu tượng. Trong đó, video âm nhạc, thường được gọi là MV (music video), là một hình thức truyền thông - nghệ thuật nghe nhìn, nơi bài hát, lời ca, giai điệu, hình ảnh, diễn xuất, vũ đạo, bối cảnh, phục trang, đạo cụ và kỹ thuật dựng hình cùng tham gia kiến tạo ý nghĩa thẩm mỹ và văn hóa[1]. Một trong những xu hướng đáng chú ý trong V-pop gần đây là việc nhiều nghệ sĩ chủ động khai thác chất liệu văn hóa dân gian như truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng dân gian, mỹ thuật dân tộc, âm nhạc dân gian và nghệ thuật diễn xướng truyền thống trong các MV. Việc kết hợp yếu tố dân gian trong MV vì thế không chỉ mang tính chất minh họa cho ca khúc, mà ngày càng trở thành một chiến lược kể chuyện nghệ thuật, góp phần tăng chiều sâu văn hóa, nâng cao giá trị biểu

* Khoa Quan hệ công chúng - Truyền thông, Trường Đại học Văn Lang
** ThS. Trường Đại học Yersin Đà Lạt

đạt và tạo sự khác biệt trong môi trường cạnh tranh truyền thông.

Thực tiễn sáng tạo trong các MV như *Bống bống bang bang, Tứ Phủ, Lạc trôi* hay *Thị Mầu* và gần đây nhất là *Bắc Bling* cho thấy văn hóa dân gian được vận dụng như một lớp mã ký hiệu nghệ thuật, đóng vai trò trong việc kiến tạo nhân vật, bối cảnh, biểu tượng và cấu trúc tự sự. Tuy nhiên, cho đến nay, phần lớn các nghiên cứu về âm nhạc đại chúng tại Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc mô tả hiện tượng hoặc phân tích nội dung ca từ, chưa đi sâu vào việc xem xét văn hóa dân gian như một hệ hình diễn ngôn kể chuyện trong MV - tức là phân tích cách thức các yếu tố dân gian tham gia vào cấu trúc và chiến lược tự sự của sản phẩm âm nhạc.

Trên cơ sở kế thừa các tiếp cận về văn hóa dân gian và lý thuyết kể chuyện trong truyền thông thị giác, bài viết hướng đến việc phân tích diễn ngôn kể chuyện trong các MV V-pop có sử dụng chất liệu dân gian. Từ đó, đặt mục tiêu làm rõ những yếu tố dân gian được lựa chọn và cách thức thể hiện trong MV, vai trò của các yếu tố này trong cấu trúc tự sự và ý nghĩa của việc vận dụng văn hóa dân gian trong việc định hình bản sắc V-pop trong bối cảnh văn hóa truyền thông số và hội nhập quốc tế.

Bằng cách tiếp cận liên ngành giữa nghiên cứu văn hóa và truyền thông đại chúng, bài viết kỳ vọng góp phần lý giải xu hướng tái cấu trúc truyền thống trong nghệ thuật kể chuyện của âm nhạc Việt Nam đương đại, đồng thời, bổ sung một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu sự kết hợp giữa văn hóa dân gian và truyền thông đại chúng.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm văn hóa dân gian

Văn hóa dân gian là hệ thống tri thức, thực hành, niềm tin, nghi lễ, biểu tượng và hình thức biểu đạt nghệ thuật được hình thành, lưu truyền và tái tạo trong đời sống cộng đồng qua nhiều thế hệ. Theo Alan Dundes, văn hóa dân gian không chỉ bao gồm các sáng tác ngôn từ như truyện kể, tục ngữ, câu đố, mà còn bao gồm tín ngưỡng, nghi lễ, trang phục, múa, kịch và mỹ thuật dân gian[2]. Ở góc nhìn chức năng luận, William Bascom cho rằng văn hóa dân gian có bốn chức năng cơ bản: giải trí, giáo dục, duy trì chuẩn mực xã hội và thể hiện thế giới quan cộng đồng[3]. Trong nghiên cứu văn hóa Việt Nam, Đinh Gia Khánh cũng nhấn mạnh văn hóa dân gian là bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, mang tính cộng đồng, tính truyền miệng và phản ánh đời sống tinh thần của nhân dân lao động[4].

Trong phạm vi bài viết này, văn hóa dân gian được hiểu như một hệ thống chất liệu văn hóa truyền thống được tái ngữ cảnh hóa trong MV V-pop đương đại. Khái niệm này bao gồm cả yếu tố ngôn từ như truyện cổ tích, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ; yếu tố thực hành như phong tục, lễ hội, nghi lễ, tín ngưỡng; và yếu tố phi ngôn ngữ như âm nhạc dân gian, diễn xướng truyền thống, phục trang, đạo cụ, kiến trúc, không gian sinh hoạt, vũ đạo và biểu tượng thị giác. Cách hiểu này phù hợp với quan niệm của UNESCO về di sản văn hóa phi vật thể, theo đó các thực hành, hình thức biểu đạt, tri thức, kỹ năng, đồ vật và không gian văn hóa gắn với cộng đồng đều là thành tố của di sản văn hóa[5].

2.2. Phân loại các yếu tố văn hóa dân gian

Trong quá trình nghiên cứu và phân tích nội dung MV V-pop, việc phân loại hệ thống yếu tố văn hóa dân gian là cần thiết nhằm làm rõ cách thức các yếu tố này được vận dụng trong diễn ngôn kể chuyện. Trên cơ sở tổng hợp các tiếp cận của Alan Dundes, Jan Harold Brunvand[6], cũng như các nhà nghiên cứu trong nước, bài viết sử dụng hệ thống phân loại gồm năm nhóm yếu tố chính.

Thứ nhất là văn học truyền miệng, bao gồm truyện cổ tích, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ, hò vè… phản ánh thế giới quan, tri thức kinh nghiệm và giá trị thẩm mỹ dân gian. Thứ hai là tập quán và phong tục, liên quan đến các nghi lễ xã hội và hành vi ứng xử cộng đồng như cưới hỏi, tang lễ, sinh hoạt lễ tết, nghi thức giao tiếp. Thứ ba là tín ngưỡng và lễ hội dân gian, bao gồm các hình thức thờ tự như thờ Mẫu, thờ Thành hoàng; các nghi lễ như hầu đồng, cúng tế; và các lễ hội dân gian gắn với mùa màng, nghề nghiệp hoặc đời sống tín ngưỡng. Thứ tư là nghệ thuật dân gian, gồm các loại hình nghệ thuật trình diễn truyền thống như chèo, tuồng, cải lương; âm nhạc dân tộc như ca trù, quan họ, hát xẩm; cùng với mỹ thuật và kiến trúc dân gian như tranh Đông Hồ, đình làng, nhà rường. Cuối cùng là tri thức dân gian, bao gồm kinh nghiệm sản xuất, y học cổ truyền, phong thủy, ẩm thực, tín hiệu môi trường và các tri thức sinh tồn được tích lũy, lưu truyền trong cộng đồng[7].

Cách phân chia này cho phép bài viết tiếp cận văn hóa dân gian như một hệ thống ký hiệu đa tầng, bao gồm cả yếu tố ngôn từ, thực hành, tín ngưỡng, trình diễn, vật thể và tri thức bản địa. Qua đó, nghiên cứu có cơ sở để nhận diện rõ hơn vai trò của từng nhóm yếu tố trong cấu trúc kể chuyện của MV V-pop, thay vì chỉ xem văn hóa dân gian như chất liệu minh họa hoặc trang trí thị giác.

2.3. Nghệ thuật kể chuyện trong MV âm nhạc đại chúng

Kể chuyện là quá trình tổ chức và truyền đạt nội dung theo hình thức cốt truyện, nhằm chuyển tải thông điệp, cảm xúc và giá trị văn hóa. Trong lĩnh vực truyền thông nghe - nhìn và âm nhạc đại chúng, kể chuyện không chỉ dừng lại ở tuyến truyện truyền thống, mà còn được kiến tạo thông qua sự phối hợp giữa lời bài hát, giai điệu, âm thanh, hình ảnh, biểu tượng, không gian, vũ đạo và phong cách trình diễn. Chính sự kết hợp này tạo nên trải nghiệm tiếp nhận đa tầng, trong đó người xem không chỉ nghe một ca khúc, mà còn tham gia vào quá trình giải mã một cấu trúc tự sự bằng cả thính giác và thị giác[8].

Theo lý thuyết tự sự của Seymour Chatman, cần phân biệt giữa "câu chuyện" (story) - tức nội dung và các sự kiện được kể lại, và "diễn ngôn" (discourse) - tức phương thức trình bày câu chuyện[9]. Áp dụng vào MV, có thể thấy nhiều nghệ sĩ V-pop sử dụng văn hóa dân gian như chất liệu để xây dựng câu chuyện, đồng thời tạo nên cách kể riêng thông qua lời ca, giai điệu, phối khí, kỹ xảo, dựng cảnh, phục trang, đạo cụ và nghệ thuật biểu diễn. Chẳng hạn, một số MV triển khai cốt truyện tuyến tính dựa trên tích truyện cổ tích như *Bống bống bang bang*; trong khi một số MV khác lại khai thác hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng đa nghĩa và không gian thẩm mỹ cổ phong như *Lạc trôi* để tạo chiều sâu diễn ngôn.

Việc tích hợp văn hóa dân gian vào kể chuyện không chỉ gia tăng chiều sâu thẩm mỹ, mà còn giúp khán giả tái kết nối với các giá trị văn hóa bản địa. Đặc biệt trong môi trường truyền thông số, kể chuyện bằng chất liệu dân gian góp phần tái cấu trúc bản sắc văn hóa theo hướng đương đại, tạo sự khác biệt cho nghệ sĩ và nâng cao khả năng lan tỏa của sản phẩm âm nhạc trong nước và quốc tế. Trong chỉnh thể đa phương tiện của MV, lời bài hát và giai điệu giữ vai trò là điểm khởi nguồn của tác phẩm. MV thường được xây dựng trên cơ sở nội dung, cảm xúc hoặc tinh thần thẩm mỹ của ca khúc; vì vậy, kịch bản hình ảnh, diễn xuất, vũ đạo, bối cảnh và đạo cụ cần được xem xét trong mối quan hệ với lời ca và âm nhạc. Tùy từng trường hợp, mối quan hệ giữa bài hát và hình ảnh có thể vận động theo nhiều hướng khác nhau. Có những MV kể chuyện chủ yếu thông qua lời bài hát, trong đó hình ảnh giữ vai trò minh

họa và làm rõ mạch truyện, chẳng hạn *Bống bống bang bang*. Ngược lại, cũng có những MV tạo sức hấp dẫn chủ yếu thông qua kịch bản biểu diễn và dàn dựng thị giác, qua đó mở rộng hoặc tái diễn giải nội dung bài hát, tiêu biểu như *Anh ơi anh ở lại*. Vì thế, khi phân tích nghệ thuật kể chuyện trong MV V-pop, cần đặt lời bài hát, âm nhạc và hình ảnh trong một cấu trúc liên kết, thay vì chỉ xem MV như một văn bản thị giác độc lập.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích nội dung định tính, kết hợp với tiếp cận liên ngành giữa nghiên cứu văn hóa dân gian và truyền thông đại chúng, nhằm làm rõ vai trò của các yếu tố văn hóa dân gian trong cấu trúc kể chuyện của MV V-pop đương đại. Phân tích nội dung định tính là một phương pháp nghiên cứu phù hợp để khám phá chiều sâu ngữ nghĩa, ký hiệu học và diễn ngôn văn hóa trong các sản phẩm truyền thông đại chúng[10].

Mẫu nghiên cứu gồm 20 MV V-pop tiêu biểu có sử dụng yếu tố văn hóa dân gian trong nội dung kể chuyện, được phát hành trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 7 năm 2025. Số liệu về lượt xem và lượng người theo dõi kênh YouTube được ghi nhận tại thời điểm tháng 7 năm 2025 nhằm bảo đảm tính thống nhất của dữ liệu khảo sát. Việc lựa chọn mẫu dựa trên hai tiêu chí chính bao gồm: MV thuộc dòng nhạc V-pop chính thống, được phát hành trên kênh YouTube chính thức; MV có tích hợp trực tiếp hoặc gián tiếp các yếu tố văn hóa dân gian Việt Nam trong lời bài hát, âm nhạc, hình ảnh, bối cảnh, phục trang, đạo cụ, vũ đạo hoặc cấu trúc kể chuyện; MV đạt được hiệu ứng truyền thông đáng kể, thể hiện qua lượng tương tác trên YouTube, mức độ lan tỏa trên mạng xã hội hoặc sự quan tâm của báo chí và công chúng. Danh sách mẫu nghiên cứu được trình bày ở *Bảng 1*.

Quy trình phân tích được triển khai theo bốn bước. Thứ nhất, toàn bộ các MV thuộc mẫu khảo sát được xem xét trên nền tảng YouTube nhằm nhận diện tổng thể nội dung, cấu trúc trình bày và các yếu tố biểu đạt chủ đạo. Thứ hai, nghiên cứu tiến hành giải mã các yếu tố nghệ thuật đã được tổ chức trong MV, bao gồm lời bài hát, giai điệu, hình ảnh, bối cảnh, trang phục, đạo cụ, vũ đạo, diễn xuất và các ký hiệu liên quan đến văn hóa dân gian. Trên cơ sở đó, các biểu hiện có nguồn gốc hoặc có liên hệ rõ ràng với văn hóa dân gian được mã hóa ở cấp độ nghiên cứu, phân loại và lập danh mục theo các nhóm yếu tố đã xác lập. Thứ ba, dữ liệu sau mã hóa được đối chiếu với khung lý thuyết về văn hóa dân gian và nghệ thuật kể chuyện trong MV nhằm xác định vai trò của từng yếu tố trong cấu trúc tự sự. Thứ tư, kết quả phân tích được tổng hợp để nhận diện các biểu hiện đặc trưng và xu hướng khai thác yếu tố dân gian trong diễn ngôn kể chuyện của MV V-pop đương đại.

Để đánh giá mức độ hiện diện và vai trò của từng nhóm yếu tố văn hóa dân gian, bài viết sử dụng ba mức độ tích hợp: trung tâm, phụ trợ và không có. Cấp độ trung tâm được xác định khi yếu tố văn hóa dân gian giữ vai trò cốt lõi trong MV, xuất hiện nổi bật và trực tiếp tham gia định hình cốt truyện, nhân vật, không gian tự sự, hệ thống biểu tượng hoặc thông điệp nghệ thuật. Ở cấp độ này, nếu lược bỏ yếu tố dân gian, mạch kể chuyện hoặc ý nghĩa chủ đạo của MV sẽ bị thay đổi đáng kể. Cấp độ phụ trợ được áp dụng đối với những yếu tố xuất hiện ở một số chi tiết như lời hát, bối cảnh, phục trang, đạo cụ, âm hưởng âm nhạc hoặc hình ảnh minh họa, có tác dụng gợi liên tưởng văn hóa và bổ sung sắc thái thẩm mỹ, nhưng không chi phối trực tiếp cốt truyện chính hoặc thông điệp trung tâm của MV. Cấp độ không có được xác định khi MV không xuất hiện dấu hiệu nhận diện rõ ràng về văn

Bảng 1. MV V-pop có sử dụng yếu tố văn hóa dân gian trong nghệ thuật kể chuyện
(Dữ liệu tính đến tháng 7/2025. Nguồn: Tác giả)

STT	Năm phát hành	Nghệ sĩ	Tên MV (Số lượng người xem)	Kênh YouTube (Lượt người theo dõi)
1	2016	365 DABAND	Bống bống bang bang (622 triệu)	Studio 68 (1,19 triệu)
2	2017	Sơn Tùng MTP	Lạc trôi (279 triệu)	Sơn Tùng MTP - Official (11,4 triệu)
3	2018	Đen Vâu ft. Tăng Ngân Hà, Maius Philharmonic	Đi theo bóng mặt trời (21 triệu)	Đen Vâu Official (5,18 triệu)
4	2018	Bích Phương	Bùa yêu (134 triệu)	Bích Phương (2,37 triệu)
5	2019	Chi Pu	Anh ơi anh ở lại (121 triệu)	Chi Pu Official (1,46 triệu)
6	2019	Hoàng Thùy Linh	Để Mị nói cho mà nghe (191 triệu)	Hoàng Thùy Linh (1,55 triệu)
7	2019	Hoàng Thùy Linh feat. Hồ Hoài Anh & TripleD	Tứ Phủ (14 triệu)	Hoàng Thùy Linh (1,55 triệu)
8	2020	Hoàng Thuỳ Linh	Kẻ cắp gặp bà già (79 triệu)	Hoàng Thuỳ Linh (1,55 triệu)
9	2021	Bùi Lan Hương	Kiều mệnh khúc (2,2 triệu)	Yeah1 Music (3,39 triệu)
10	2021	K-ICM & Văn Mai Hương	Chim quý trong lồng (7,5 triệu)	ICM Entertainment (4,94 triệu)
11	2021	Rtee	Chọn bạn mà chơi (5 triệu)	Rtee Official (56,5 ngàn)
12	2022	Diệu Kiên	Thuyền quyên (50 triệu)	Diệu Kiên Official (237 ngàn)
13	2022	Hoàng Thuỳ Linh	Gieo quẻ (67 triệu)	Hoàng Thuỳ Linh (1,55 triệu)
14	2023	Ái Phương	Đến giờ cơm (3,3 triệu)	Ái Phương Official (121 ngàn)
15	2023	Hòa Minzy & Masew	Thị Mầu (69 triệu)	Hòa Minzy (2,87 triệu)
16	2023	Đen Vâu ft. Pia Linh	Nấu ăn cho em (75 triệu)	Đen Vâu Official (5,18 triệu)
17	2024	Trúc Nhân	Không ra gì (23 triệu)	Trúc Nhân (1,88 triệu)
18	2024	Phương Mỹ Chi & DTAP	Gối gấm (3,1 triệu)	Phương Mỹ Chi (835 ngàn)
19	2024	Hoà Minzy & Tuấn Cry & Masew	Kén cá chọn canh (20 triệu)	Hòa Minzy (2,87 triệu)
20	2025	Hòa Minzy & Xuân Hinh & Masew & Tuấn Cry	Bắc Bling (237 triệu)	Hòa Minzy (2,87 triệu)

hóa dân gian, hoặc yếu tố xuất hiện quá mờ nhạt, rời rạc, không đủ cơ sở để phân tích như một đơn vị độc lập.

Việc phân loại theo ba mức độ trên dựa trên ba tiêu chí chính: tần suất và mức độ nổi bật của yếu tố trong MV; vai trò của yếu tố đó trong cấu trúc kể chuyện, bao gồm cốt truyện, nhân vật, biểu tượng và thông điệp; và mức độ chi phối của yếu tố đối với các bình diện biểu đạt như lời hát, âm nhạc, hình ảnh, phục trang, đạo cụ, vũ đạo và không gian tự sự. Các trường hợp thuộc cấp độ "không có" được ghi nhận trong quá trình mã hóa ban đầu để bảo đảm tính loại trừ, nhưng không được trình bày trong các bảng kết quả nhằm tập trung vào những biểu hiện có ý nghĩa phân tích. Cách mã hóa này giúp hệ thống hóa dữ liệu một cách nhất quán, đồng thời hạn chế tính chủ quan trong việc nhận diện và đánh giá vai trò của văn hóa dân gian trong MV V-pop.

4. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở khung lý thuyết và phương pháp đã xác lập, bài viết tiến hành phân tích hai mươi MV V-pop tiêu biểu phát hành từ năm 2016 đến tháng 7 năm 2025, tập trung vào cách thức các yếu tố văn hóa dân gian được vận dụng trong cấu trúc kể chuyện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố văn hóa dân gian không chỉ được sử dụng như chất liệu minh họa thị giác, mà còn tham gia vào việc kiến tạo cốt truyện, lời bài hát, biểu tượng hình ảnh, không gian thẩm mỹ và cảm xúc trong MV. Nội dung dưới đây được phân tích theo năm nhóm yếu tố văn hóa dân gian đã xác lập ở phần cơ sở lý luận và được khái quát trong *Bảng 2*. Cần lưu ý rằng mỗi MV có chiến lược tích hợp chất liệu dân gian khác nhau, vì vậy không phải tác phẩm nào cũng thể hiện đồng thời cả năm nhóm yếu tố. Có MV tập trung chủ yếu vào văn học truyền miệng hoặc nghệ thuật dân gian, trong khi các yếu tố như tri thức dân gian, tập quán - phong tục hay tín ngưỡng - lễ hội chỉ xuất hiện mờ nhạt hoặc không đủ cơ sở để mã hóa độc lập. Do đó, số lượng MV được trình bày trong các mục từ 4.1 đến 4.5 có sự khác biệt; mỗi bảng chỉ liệt kê những trường hợp đạt mức tích hợp "trung tâm" hoặc "phụ trợ" đối với nhóm yếu tố tương ứng.

4.1. Yếu tố văn học truyền miệng trong MV V-pop

Một trong những xu hướng nổi bật để lồng ghép yếu tố văn học truyền miệng là việc tái hiện các motif truyện cổ tích vào MV. Cách dựng truyện này phản ánh cấu trúc cốt truyện theo lý thuyết của Chatman, đồng thời cho phép nghệ sĩ làm mới diễn ngôn bằng các yếu tố thị giác hiện đại và nhạc nền pop vui tươi. *Bống bống bang bang* và *Anh ơi ở lại* đều chọn câu chuyện Tấm Cám làm trung tâm, *Kiều mệnh khúc* và *Thị Mầu* cũng đi theo hướng này khi lấy Truyện

Bảng 2. Phân bố yếu tố văn hóa dân gian trong các thành phần MV V-pop (tỷ lệ %)
(Giá trị tô đậm = cao nhất theo hàng. Nguồn: Tác giả)

Yếu tố văn hóa dân gian	Câu chuyện	Lời bài hát	Bối cảnh	Trang phục	Đạo cụ	Giai điệu	Vũ đạo	Trung bình
Văn học truyền miệng	40	55	10	0	10	5	0	17.1
Tín ngưỡng - lễ hội	10	5	40	5	20	0	0	11.4
Nghệ thuật dân gian	5	10	15	20	45	60	0	22.1
Tri thức dân gian	5	5	20	30	25	20	0	15.0
Tập quán - phong tục	5	5	35	50	40	0	0	19.3

Bảng 3. Mức độ tích hợp của các yếu tố văn học truyền miệng trong MV V-pop
(Nguồn: Tác giả)

STT	Tên MV	Yếu tố văn học truyền miệng	Mức độ tích hợp
1	Bống bống bang bang	Truyện cổ tích Tấm Cám	Trung tâm
2	Anh ơi anh ở lại	Cảm hứng từ truyện cổ tích Tấm Cám	Trung tâm
3	Để Mị nói cho mà nghe	Hình tượng Mị trong văn học dân tộc	Trung tâm
4	Kiều mệnh khúc	Trích dẫn Truyện Kiều - Nguyễn Du	Trung tâm
5	Chim quý trong lồng	Ẩn dụ chim - thân phận nữ nhi (văn học dân gian)	Phụ trợ
6	Chọn bạn mà chơi	Tích truyện Thạch Sanh, Lý Thông, Tấm Cám, Chí Phèo - Bá Kiến	Trung tâm
7	Thuyền quyên	Ca dao: "mười hai bến nước", "gió đưa"	Phụ trợ
8	Gieo quẻ	Từ ngữ truyền miệng: "gieo quẻ", "xăm quẻ", "cầu may"	Phụ trợ
9	Thị Mầu	Trích truyện thơ Quan Âm Thị Kính - nhân vật Thị Mầu	Trung tâm
10	Gối gấm	Thơ Hồ Xuân Hương, văn học Nôm	Phụ trợ

Kiều và truyện thơ Quan Âm Thị Kính làm nền tảng, đưa các nhân vật và tình tiết quen thuộc vào bối cảnh hiện đại.

MV *Anh ơi ở lại* chọn phát triển từ câu chuyện Tấm Cám quen thuộc, nhưng với góc nhìn và hình tượng mới mẻ hơn, đó là những nỗi đau và buồn tủi của Cám - nhân vật luôn được xem là phản diện từ trước đến nay. Việc làm mới cốt truyện dân gian này gợi đến khái niệm liên văn bản của Barthes, trong đó mỗi lần kể lại là một lần tái cấu trúc ý nghĩa[13]. MV *Để mị nói cho mà nghe* và *Chọn bạn mà chơi* lại sử dụng kết hợp đa hình tượng Mị, Chí Phèo, Lão Hạc, Thạch Sanh - Lý Thông,... như những biểu tượng văn hóa được đưa vào không gian pop, kết hợp giữa hài hước, phê bình xã hội và tính hoài cổ, qua đó tạo hiệu ứng đa tầng về ký ức tập thể.

Ngoài ra, một số MV cũng sử dụng yếu tố văn học truyền miệng ở mức độ phụ trợ, góp phần làm phong phú thêm ý nghĩa của toàn mạch ca khúc. *Chim quý trong lồng* sử dụng ẩn dụ "chim trong lồng" để gợi nhắc về thân phận nữ nhi bị trói buộc, giam cầm trong văn học dân gian, tạo chiều sâu biểu tượng cho MV. MV *Thuyền quyên* lồng ghép những câu ca dao quen thuộc như "mười hai bến nước" hay "gió đưa" hoặc trong MV *Gối gấm* cũng sử dụng những câu trích từ thơ Hồ Xuân Hương và văn học Nôm, làm tăng thêm sự tinh tế trong việc thể hiện nỗi niềm phụ nữ. Tương tự, *Gieo quẻ* khai thác các từ ngữ truyền miệng gắn liền với tập tục dân gian như "gieo quẻ", "xăm quẻ", "cầu may", tạo nên không gian văn hóa đặc trưng. Các MV không chỉ khơi gợi cảm thức hoài cổ, mà còn tái cấu trúc tâm lý nhân vật dân gian dưới lăng kính hiện đại. Việc dịch chuyển điểm nhìn tự sự từ nhân vật chính diện sang nhân vật vốn được xem là phản diện, như trường hợp nỗi niềm của Cám trong *Anh ơi anh ở lại,* đã tạo ra một cách diễn giải mới đối với chất liệu quen thuộc. Cách tiếp cận này góp phần kích hoạt trí nhớ văn hóa của công chúng, đồng thời làm cho các motif dân gian trở nên gần gũi hơn với tâm lý tiếp nhận của khán giả đương đại.

4.2. Yếu tố nghệ thuật dân gian trong MV V-pop

Các yếu tố nghệ thuật dân gian được khai thác trong MV V-pop chủ yếu thông qua âm nhạc, diễn xướng, vũ đạo, sân khấu hóa và mỹ thuật trình diễn. Đây là nhóm yếu tố có khả năng tạo hiệu ứng thẩm mỹ rõ nét vì trực tiếp tác động đến cả bình diện thính giác và thị giác của MV. Khi các chất liệu như chèo, chầu văn, âm hưởng dân ca, nhạc cụ dân tộc hoặc lối diễn xuất sân khấu dân gian được đặt trong bản phối pop, EDM, trap hoặc nhạc điện tử đương đại, chúng tạo nên sự tương phản giữa truyền thống và hiện đại. Chính sự tương phản này làm cho chất liệu dân gian không bị tái hiện như một "di sản tĩnh", mà được chuyển hóa thành một dạng biểu đạt mới, phù hợp với nhịp tiếp nhận của công chúng trẻ.

Một số MV nổi bật với việc đưa nghệ thuật dân gian vào vị trí trung tâm của cấu trúc kể chuyện. *Tứ Phủ* sử dụng âm nhạc chầu văn và ngôn ngữ trình diễn gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu để kiến tạo không gian thiêng, qua đó làm cho âm nhạc, màu sắc, phục trang và động tác biểu diễn cùng tham gia vào việc tổ chức ý nghĩa. *Thị Mầu* khai thác chất liệu chèo và nhân vật dân gian để tạo nên một hình thức kể chuyện vừa quen thuộc vừa mới mẻ, trong đó lối hát, nhịp điệu, phục trang và biểu cảm sân khấu góp phần làm nổi bật cá tính nhân vật. Tương tự, *Bống bống bang bang* và *Chọn bạn mà chơi* sân khấu hóa các tích truyện quen thuộc, kết hợp diễn xuất mang sắc thái kịch dân gian với tiết tấu âm nhạc hiện đại, từ đó biến câu chuyện dân gian thành một sản phẩm giải trí có tính đại chúng cao.

Ở mức độ phụ trợ, các MV như *Lạc trôi, Bùa yêu, Để Mị nói cho mà nghe, Gieo quẻ* hay *Gối gấm* không lấy nghệ thuật dân gian làm trục tự sự chính, nhưng vẫn sử dụng âm hưởng dân gian, nhạc cụ truyền thống, vũ đạo hoặc mỹ thuật trình diễn để tạo dấu ấn bản sắc. Chẳng hạn, *Lạc trôi* kết hợp âm hưởng cổ phong, phục trang và bối cảnh kiến trúc gợi truyền thống để tạo nên không gian "phi thời gian", vừa xa lạ vừa

Bảng 4. Mức độ tích hợp của các yếu tố nghệ thuật dân gian trong MV V-pop
(Nguồn: Tác giả)

STT	Tên MV	Yếu tố nghệ thuật dân gian	Mức độ tích hợp
1	Bống bống bang bang	Nhạc cụ dân gian, diễn xuất kịch dân gian	Trung tâm
2	Lạc trôi	Âm nhạc pha nhạc cụ dân tộc, bối cảnh cổ trang	Phụ trợ
3	Bùa yêu	Âm nhạc dân gian hiện đại pha điện tử	Phụ trợ
4	Để Mị nói cho mà nghe	Âm hưởng dân ca miền núi - nhạc hiện đại	Phụ trợ
5	Tứ phủ	Âm nhạc chầu văn phối khí hiện đại	Trung tâm
6	Kẻ cắp gặp bà già	Chất liệu dân gian hòa nhạc pop điện tử	Phụ trợ
7	Kiều mệnh khúc	Âm nhạc cổ phong kết hợp nhạc kịch	Trung tâm
8	Chim quý trong lồng	Hòa âm dân gian, nhạc cụ dây dân tộc	Phụ trợ
9	Chọn bạn mà chơi	Sân khấu hóa cổ tích, nhạc cụ dân gian	Trung tâm
10	Thuyền quyên	Âm hưởng dân ca trữ tình	Phụ trợ
11	Gieo quẻ	Giai điệu dân gian pha EDM, diễn xướng dân gian	Phụ trợ
12	Thị Mầu	Chèo dân gian, âm nhạc cải biên	Trung tâm
13	Gối gấm	Múa chén cung đình Huế	Phụ trợ

quen thuộc. *Gieo quẻ* sử dụng giai điệu dân gian pha EDM và tinh thần diễn xướng hội hè để tạo cảm giác rộn ràng, gần gũi với tâm thức cầu may đầu năm. *Gối gấm* khai thác múa chén cung đình Huế như một chi tiết trình diễn giàu tính tạo hình, góp phần làm tăng sắc thái nữ tính, mềm mại và hoài cổ cho MV. Các chất liệu nghệ thuật dân gian giúp MV có chiều sâu văn hóa, tạo điểm nhận diện thẩm mỹ riêng và mở rộng khả năng lan tỏa trên môi trường số, từ đó nâng cao khả năng tái tổ chức di sản thành ngôn ngữ truyền thông đương đại.

4.3. Yếu tố tín ngưỡng và lễ hội dân gian trong MV V-pop

Các yếu tố tín ngưỡng và lễ hội dân gian được tích hợp trong MV V-pop đương đại với nhiều cấp độ khác nhau, từ các biểu tượng đơn lẻ đến cấu trúc tự sự trung tâm của tác phẩm. Trường hợp tiêu biểu là MV *Tứ Phủ,* trong đó nghi lễ hầu đồng của tín ngưỡng thờ Mẫu được tái hiện như một trục tự sự chính, chi phối hình ảnh, âm nhạc, phục trang, đạo cụ, màu sắc và thông điệp nghệ thuật. Việc sử dụng các mã biểu tượng như khăn phủ diện, quạt, trầu cau, kết hợp với âm nhạc chầu văn được phối khí hiện đại, cho thấy quá trình chuyển hóa nghi lễ truyền thống thành chất liệu biểu đạt đương đại, tạo nên không gian thẩm mỹ mang sắc thái thiêng và giàu tính trình diễn.

Ở mức độ phụ trợ, một số MV sử dụng yếu tố tín ngưỡng - lễ hội như những chi tiết gợi dẫn văn hóa. *Gieo quẻ* khai thác bối cảnh xin xăm, cầu may đầu năm; *Để Mị nói cho mà nghe* gợi nhắc không khí lễ hội vùng cao Tây Bắc; còn *Bùa yêu* sử dụng biểu tượng bùa chú như một mã văn hóa gắn với niềm tin dân gian. Những chi tiết này không nhất thiết quyết định mạch truyện, nhưng góp phần mở rộng trường liên tưởng văn hóa, tạo nên không gian tự sự mang sắc thái tâm linh, cộng đồng hoặc lễ hội. Một số MV khác tích hợp yếu tố tín ngưỡng theo hướng ẩn dụ văn học - biểu tượng. *Gối gấm* gợi liên tưởng đến hình tượng Hòn Vọng Phu và nỗi niềm người phụ nữ trong văn hóa truyền thống; *Thị Mầu* khai thác nhân vật có nguồn gốc từ truyện *Quan Âm Thị Kính,* vốn gắn với không gian diễn xướng và tín

Bảng 5. Mức độ tích hợp của các yếu tố tín ngưỡng - lễ hội dân gian trong MV V-pop
(Nguồn: Tác giả)

STT	Tên MV	Yếu tố tín ngưỡng - lễ hội	Mức độ tích hợp
1	Bùa yêu	Biểu tượng bùa, lễ cúng	Phụ trợ
2	Để Mị nói cho mà nghe	Lễ hội vùng cao Tây Bắc và của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc	Phụ trợ
3	Tứ Phủ	Thờ Mẫu - Tứ Phủ, nghi lễ hầu đồng	Trung tâm
4	Kẻ cắp gặp bà già	Không gian tín ngưỡng dân gian (ẩn dụ)	Phụ trợ
5	Kiều mệnh khúc	Không gian lễ giáo, đạo hiếu, số mệnh	Phụ trợ
6	Chim quý trong lồng	Liên tưởng lễ nghi cung đình thời kỳ phong kiến	Phụ trợ
7	Gieo quẻ	Bối cảnh xin quẻ đầu năm, nghi thức dân gian	Phụ trợ
8	Thị Mầu	Trích Quan Âm Thị Kính - gắn với tín ngưỡng dân gian	Trung tâm
9	Gối gấm	Ẩn dụ Hòn Vọng Phu - nỗi niềm phụ nữ trong tín ngưỡng	Phụ trợ

ngưỡng dân gian Việt Nam. Cách tiếp cận này cho thấy sự dịch chuyển từ nghi lễ hoặc tích truyện nguyên bản sang diễn ngôn nghệ thuật mang tính biểu tượng, phù hợp với thẩm mỹ đại chúng.

4.4. Yếu tố tri thức dân gian trong MV V-pop

Tri thức dân gian là một trong năm yếu tố ít được các nghệ sĩ, nhà sản xuất âm nhạc khai thác và tích hợp vào các MV nhất, chiếm 25%. Phần lớn, yếu tố này chỉ xuất hiện ở mức độ phụ trợ, như *Bống bống bang bang* với phục trang hoàng cung và hóa trang cổ tích; *Đi theo bóng mặt trời* với trang phục thổ cẩm và bối cảnh thiên nhiên vùng cao; hoặc *Chim quý trong lồng* với nhà rường và không gian lễ giáo cung đình. Những chi tiết này góp phần khơi gợi bối cảnh truyền thống, tạo tính bản địa hóa cho hình ảnh, dù không chi phối toàn bộ cấu trúc tự sự.

Đáng chú ý, *Để Mị nói cho mà nghe* và *Tứ Phủ* là hai trường hợp tri thức dân gian được tích hợp ở mức độ trung tâm. Trong *Để Mị nói cho mà nghe*, kiến trúc nhà sàn, trang phục thổ cẩm, sinh hoạt cộng đồng và không gian vùng cao không chỉ đóng vai trò làm nền, mà còn góp phần định hình nhân vật Mị trong một môi trường văn hóa cụ thể. Các yếu tố này giúp hình tượng nhân vật không bị tách khỏi không gian bản địa, đồng thời làm nổi bật tinh thần giải phóng, vui sống và tái diễn giải văn học dân tộc bằng ngôn ngữ đại chúng. Trong *Tứ Phủ,* các lễ vật như trầu cau, rượu, ngũ quả, cùng cách sắp đặt không gian nghi lễ, cho thấy sự tham chiếu đến tri thức tín ngưỡng và thực hành hầu đồng. Những chi tiết này giúp MV tạo được cảm giác thiêng, trang trọng và giàu chiều sâu văn hóa.

Về hiệu quả biểu đạt, tri thức dân gian trong MV thường tạo sức hấp dẫn thông qua quá trình thẩm mỹ hóa và sân khấu hóa. Chẳng hạn, trầu cau, ngũ quả, thổ cẩm, nhà sàn hay không gian nghi lễ không nhất thiết được tái hiện theo lối hiện thực nguyên bản, mà có thể được cách điệu bằng màu sắc, ánh sáng, chất liệu, bố cục sân khấu và kỹ thuật dựng hình. Khi được xử lý bằng ngôn ngữ thị giác đương đại, các chi tiết vốn thuộc đời sống dân gian trở thành biểu tượng thẩm mỹ giàu màu sắc, bắt mắt và dễ ghi nhớ. Việc trầu cau hoặc lễ vật không xuất hiện như vật dụng đời thường, mà được đặt trong một bố cục sân khấu hóa, có thể làm tăng tính biểu tượng và tính trình diễn của MV.

4.5. Yếu tố tập quán - phong tục trong MV V-pop

Yếu tố tập quán và phong tục dân gian được lồng ghép trong MV V-pop chủ yếu dưới dạng hành vi sinh hoạt, lễ nghi, chuẩn mực ứng xử cộng đồng - đóng vai trò tái hiện bối cảnh văn hóa và tăng cường chiều

Bảng 6. Mức độ tích hợp của các yếu tố tri thức dân gian trong MV V-pop
(Nguồn: Tác giả)

STT	Tên MV	Yếu tố tri thức dân gian	Mức độ tích hợp
1	Bống bống bang bang	Trang phục hoàng cung cổ tích, chi tiết hóa trang dân gian	Phụ trợ
2	Đi theo bóng mặt trời	Trang phục thổ cẩm miền núi, hình ảnh thiên nhiên vùng cao	Phụ trợ
3	Để mị nói cho mà nghe	Trang phục thổ cẩm dân tộc, kiến trúc nhà sàn	Trung tâm
4	Tứ Phủ	Chuẩn bị lễ vật hầu đồng: trầu cau, rượu, ngũ quả	Trung tâm
5	Chim quý trong lồng	Trang phục hoàng cung, bối cảnh nhà rường	Phụ trợ

Bảng 7. Mức độ tích hợp của các yếu tố tập quán - phong tục trong MV V-pop
(Nguồn: Tác giả)

STT	Tên MV	Yếu tố tập quán - phong tục	Mức độ tích hợp
1	Bống bống bang bang	Lễ cưới, giao tiếp cung đình giả tưởng	Phụ trợ
2	Đi theo bóng mặt trời	Không gian sinh hoạt vùng cao	Phụ trợ
3	Để Mị nói cho mà nghe	Sinh hoạt ngày hội vùng cao	Trung tâm
4	Tứ Phủ	Tập tục thờ Tứ Phủ	Trung tâm
5	Kiều mệnh khúc	Lối sống lễ giáo, khuôn mẫu lễ nghi	Phụ trợ
6	Chim quý trong lồng	Hành vi mang tính nghi lễ - lễ giáo cung đình	Phụ trợ
7	Thuyền quyên	Phong tục cưới hỏi, đưa dâu vùng quê	Phụ trợ
8	Gieo quẻ	Tập tục xin quẻ đầu năm	Phụ trợ
9	Gối gấm	Ứng xử phụ nữ trong khuôn mẫu phong kiến	Phụ trợ

sâu bản sắc cho không gian kể chuyện. Một số MV thể hiện yếu tố này ở mức độ trung tâm, tiêu biểu như *Để Mị nói cho mà nghe,* trong đó các hoạt động sinh hoạt ngày hội vùng cao (nhảy múa, hội hè, múa sạp,...) không chỉ là chất liệu phụ trợ, mà còn tạo nền tảng cho việc định hình nhân vật và kết nối nội dung với cộng đồng văn hóa cụ thể. Tương tự, MV *Tứ Phủ* đưa tập tục thờ Mẫu - Tứ Phủ thành không gian chủ đạo của toàn bộ câu chuyện, từ nghi lễ đến hành vi tín ngưỡng đều được dàn dựng mang tính mô phỏng và thẩm mỹ hóa.

Ngoài ra, nhiều MV sử dụng phong tục dân gian ở mức độ phụ trợ, thường dưới dạng hình ảnh hoặc tình huống biểu trưng, như *Bống bống bang bang* với nghi thức giao tiếp cung đình; *Thuyền quyên* với phong tục cưới truyền thống vùng quê; *Gieo quẻ* với tập tục xin xăm cầu an đầu năm. Những yếu tố này không định hình cốt truyện, nhưng đóng vai trò bổ sung trường nghĩa văn hóa, giúp khán giả nhận diện rõ hơn bối cảnh dân gian qua biểu tượng và hành vi. Đáng chú ý, các MV như *Kiều mệnh khúc* hay *Gối gấm* tiếp cận tập quán dân gian theo hướng phản tư văn hóa, tái hiện lại chuẩn mực lễ giáo, khuôn mẫu ứng xử của phụ nữ trong xã hội phong kiến. Yếu tố này đặt những chuẩn mực ứng xử xưa cũ vào trong bối cảnh tâm lý của con người hiện đại để tạo ra sự suy ngẫm. Khi người phụ nữ trong *Kiều mệnh khúc* hay *Gối gấm* đối diện với các rào cản lễ giáo, hình ảnh phục trang và khuôn mẫu sinh hoạt phong kiến càng làm nổi bật khát vọng tự do và bản sắc cá nhân.

5. Thảo luận và kết luận

5.1. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tích hợp các yếu tố văn hóa dân gian trong MV V-pop không phải là hiện tượng đơn lẻ hay ngẫu nhiên, mà thể hiện một chiến lược nghệ thuật - truyền thông có tính hệ thống. Các nghệ sĩ V-pop đương đại đã khai thác nhiều lớp lang văn hóa dân gian - từ văn học truyền miệng, tín ngưỡng - lễ hội, tri thức bản địa đến nghệ thuật biểu diễn dân gian - như những "mã văn hóa" có khả năng kích hoạt biểu tượng và kết nối cộng đồng[11]. Việc phối hợp linh hoạt các yếu tố này trong cấu trúc kể chuyện cho thấy khả năng tái tạo truyền thống trong bối cảnh thẩm mỹ hiện đại, phù hợp với quan điểm cho rằng bản sắc văn hóa không phải là một thực thể bất biến, mà luôn được kiến tạo và tái kiến tạo trong các ngữ cảnh biểu đạt mới[12].

Trong các MV như *Bống bống bang bang, Tứ Phủ* hay *Bắc Bling*, yếu tố dân gian không chỉ đóng vai trò trang trí hoặc gợi không khí, mà còn trở thành trục tự sự trung tâm, chi phối tuyến nhân vật, bối cảnh thị giác, âm nhạc và thông điệp. Những hình tượng như Tấm, Thị Mầu, hình ảnh hầu đồng hay lễ hội vùng cao được tái hiện dưới hình thức sống động, mang tính trình diễn đương đại, phù hợp với thị hiếu của khán giả trẻ nhưng vẫn giữ được "hạt nhân ký ức" gắn với bản sắc văn hóa Việt[13]. Cách tiếp cận này cho thấy truyền thống không được nhìn như một "hóa thạch văn hóa", mà như một nguồn chất liệu có thể làm mới, biến đổi và đối thoại với hiện tại.

Một trong những điểm nổi bật là khả năng kích hoạt "trí nhớ tập thể" thông qua việc sử dụng các motif quen thuộc với nhiều thế hệ người Việt. Những hình ảnh như chợ nổi miền Tây, múa lân, lễ hội đầu xuân, hay các nhân vật như Tấm, Mị… đóng vai trò như những "ký hiệu văn hóa" dễ gợi cảm xúc, tạo sự đồng cảm và kết nối liên thế hệ. Từ góc nhìn của Maurice Halbwachs, trí nhớ tập thể được hình thành và duy trì trong những khung xã hội nhất định; trong khi đó, Jan Assmann và Astrid Erll nhấn mạnh vai trò của biểu tượng, thực hành văn hóa và phương tiện truyền thông trong việc lưu giữ, tái hiện và lưu chuyển ký ức văn hóa[14]. Trong trường hợp MV V-pop, quá trình này được thực hiện thông qua sự kết hợp giữa lời hát, âm nhạc, hình ảnh và diễn xuất. Nhờ đó, MV không chỉ thỏa mãn nhu cầu giải trí, mà còn trở thành phương tiện tái lưu thông ký ức cộng đồng trong môi trường truyền thông số.

Việc kết hợp các yếu tố dân gian cũng góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông của sản phẩm âm nhạc. MV sử dụng chất liệu dân gian thường dễ tạo sự chú ý nhờ khả năng gợi tranh luận, truyền cảm hứng sáng tạo như remix, parody, cover và tạo dấu ấn khác biệt trên thị trường. Điều này có thể được lý giải từ góc nhìn văn hóa tham gia, khi công chúng không chỉ tiếp nhận thụ động mà còn tham gia tái sản xuất, chia sẻ và lan tỏa nội dung trên các nền tảng số[15]. Các MV như *Gieo quẻ, Tứ Phủ* hay *Bắc Bling* cho thấy văn hóa dân gian Việt Nam có thể được tái trình hiện trong những hình thức nghe - nhìn mới, phù hợp với logic lan tỏa của các nền tảng như TikTok, YouTube hay Spotify. Điều này góp phần khẳng định vai trò của MV như một hình thức truyền thông văn hóa đại chúng, có khả năng tham gia vào quá trình định vị hình ảnh Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa truyền thông.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị tích cực về thẩm mỹ và truyền thông, việc khai thác chất liệu dân gian trong MV cũng đặt ra một số lưu ý. Trước hết, nghệ sĩ và nhà sản xuất cần có sự hiểu biết đầy đủ về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và bối cảnh văn hóa của các chất liệu được sử dụng, đặc biệt đối với những yếu tố gắn với thực hành tâm linh hoặc ký ức cộng đồng. Quan niệm của UNESCO về di sản văn hóa phi vật thể cũng nhấn mạnh vai trò của cộng đồng, ngữ cảnh thực hành và ý nghĩa văn hóa trong việc bảo vệ di sản. Vì vậy, mỗi chi tiết dân gian khi đưa vào MV cần có chức năng nhất định trong cấu trúc kể chuyện, không nên chỉ xuất hiện như đạo cụ trang trí hoặc ký hiệu bề mặt nhằm tạo cảm giác "truyền thống". Nói cách khác, sáng tạo từ văn hóa dân gian cần được đặt trong sự cân bằng giữa đổi mới nghệ thuật, hiệu quả truyền thông và sự tôn trọng đối với ý nghĩa văn hóa của di sản.

5.2. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố văn hóa dân gian không chỉ hiện diện như bối cảnh phụ trợ, mà còn đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc kể chuyện của nhiều MV V-pop đương đại. Thông qua việc khai thác

văn học truyền miệng, tín ngưỡng - lễ hội, nghệ thuật dân gian, tri thức bản địa và tập quán - phong tục, các nghệ sĩ V-pop đã xây dựng được một hệ hình kể chuyện giàu bản sắc, góp phần làm mới truyền thống trong môi trường truyền thông số. Sự tích hợp các yếu tố nghệ thuật dân gian trong MV V-pop là một minh chứng cho sự nỗ lực đổi mới và bảo tồn văn hóa của các nghệ sĩ Việt Nam. Bằng việc sử dụng các giá trị truyền thống làm chất liệu sáng tạo trung tâm hoặc phụ trợ, các MV V-pop không chỉ định hình được bản sắc âm nhạc riêng biệt, mà còn góp phần nuôi dưỡng ý thức về di sản văn hóa trong cộng đồng, đặc biệt, đối với đối tượng khán giả trẻ tuổi. Xu hướng này cho thấy một tương lai đầy hứa hẹn cho sự phát triển của V-pop, nơi các giá trị truyền thống và hiện đại có thể song hành và bổ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả.

Do giới hạn về phạm vi mẫu, nghiên cứu mới tập trung vào 20 MV tiêu biểu và chủ yếu phân tích văn bản nghe - nhìn, chưa đi sâu vào khảo sát tiếp nhận của công chúng. Đây có thể là hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm làm rõ hơn tác động của chất liệu dân gian đối với hành vi tiếp nhận, chia sẻ và diễn giải của khán giả trẻ trong môi trường truyền thông số.

N.Đ.C.T, Đ.T.T.H

Chú thích

[1] Theo Carol Vernallis (2004), video âm nhạc (music video) là một hình thức nghe - nhìn, trong đó lời ca, âm nhạc và hình ảnh cùng tham gia kiến tạo ý nghĩa thẩm mỹ và văn hóa. Trong bài viết này, MV được hiểu là sản phẩm truyền thông - nghệ thuật đa phương tiện, kết hợp bài hát, lời ca, giai điệu, hình ảnh, diễn xuất, vũ đạo, bối cảnh, phục trang, đạo cụ và kỹ thuật dựng hình nhằm biểu đạt, minh họa hoặc mở rộng ý nghĩa của ca khúc. Vernallis, C. (2004), *Trải nghiệm video âm nhạc: Thẩm mỹ và bối cảnh văn hóa*, Nxb. Đại học Columbia, New York.

[2] Dundes, A. (1965), "Nghiên cứu văn hóa dân gian trong văn học và văn hóa: Nhận diện và diễn giải", *Tạp chí Văn hóa Dân gian Hoa Kỳ*, 78 (308), tr. 136 - 142. https://doi.org/10.2307/538280.

[3] Bascom, W. (1954), "Bốn chức năng của văn hóa dân gian", *Tạp chí Văn hóa Dân gian Hoa Kỳ*, 67 (266), tr. 333 - 349. https://doi.org/10.2307/536411.

[4] Đinh Gia Khánh (1989), *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[5] UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể,* Paris.

[6] Brunvand, J. H. (1998), *Nghiên cứu văn hóa dân gian Hoa Kỳ: Dẫn nhập*, tái bản lần thứ 4, W. W. Norton & Company, New York.

[7] Dundes, A. (1965), "Nghiên cứu văn hóa dân gian trong văn học và văn hóa: Nhận diện và diễn giải", *Tạp chí Văn hóa Dân gian Hoa Kỳ*, 78 (308), tr. 136 - 142. https://doi.org/10.2307/538280; Brunvand, J. H. (1998), Nghiên cứu văn hóa dân gian Hoa Kỳ: Dẫn nhập, tái bản lần thứ 4, W. W. Norton & Company, New York; UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể,* Paris; Nguyễn Thị Bích Hà (2012), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.

[8] Ursyn, A. (2018), "Phát triển nhân vật cho kể chuyện thị giác trong truyền thông truyền thống và kỹ thuật số", trong *Phương pháp thị giác trong giáo dục nhận thức có tích hợp công nghệ*, IGI Global, tr. 304 - 348. https://doi.org/10.4018/978-1-5225-5332-8.ch013.

[9] Chatman, S. (1978), *Câu chuyện và diễn ngôn: Cấu trúc tự sự trong văn học và điện ảnh,* Nxb. Đại học Cornell, Ithaca; Vernallis, C. (2004), *Trải nghiệm video âm nhạc: Thẩm mỹ và bối cảnh văn hóa*, Nxb. Đại học Columbia, New York.

[10] Lune, H., & Berg, B. L. (2017), *Phương pháp nghiên cứu định tính trong khoa học xã hội,* Pearson.

[11] Geertz, C. (1973), "Mô tả dày: Hướng tới một lý thuyết diễn giải về văn hóa", trong *Giải nghĩa văn hóa: Tuyển tập tiểu luận,* Basic Books, New York, tr. 3 - 30.

[12] Hall, S. (1990), "Bản sắc văn hóa và cộng đồng di cư", trong Rutherford, J. (chủ biên), *Bản sắc: Cộng đồng, văn hóa, khác biệt,* Lawrence & Wishart, London, tr. 222 - 237.

[13] Assmann, J. (2011), *Ký ức văn hóa và nền văn minh cổ đại: Chữ viết, hồi tưởng và tưởng tượng chính trị,* Nxb. Đại học Cambridge, Cambridge. https://doi.org/10.1017/CBO9780511996306.

[14] Halbwachs, M. (1992), *Về trí nhớ tập thể,* L. A. Coser biên tập và dịch, Nxb. Đại học Chicago, Chicago. Tác phẩm gốc xuất bản năm 1950. https://doi.org/10.7208/chicago/9780226774497.001.0001; Assmann, J. (2011), *Ký ức văn hóa và nền văn minh cổ đại: Chữ viết, hồi tưởng và tưởng tượng chính trị,* Nxb. Đại học Cambridge, Cambridge. https://doi.org/10.1017/CBO9780511996306; Erll, A. (2011), *Ký ức trong văn hóa,* Palgrave Macmillan, Basingstoke. https://doi.org/10.1057/9780230321670.

[15] Jenkins, H. (2006), *Văn hóa hội tụ: Nơi truyền thông cũ và mới va chạm,* Nxb. Đại học New York, New York; Lessig, L. (2008), *Remix: Làm cho nghệ thuật và thương mại phát triển trong nền kinh tế lai,* Penguin Press, New York; Burgess, J., & Green, J. (2009), *YouTube: Video trực tuyến và văn hóa tham gia,* Polity Press, Cambridge.

USE OF FOLK CULTURE IN CONTEMPORARY V-POP MUSIC VIDEO STORYTELLING

Abstract

The article analyzes how Vietnamese folk culture is used as a storytelling strategy in contemporary V-pop music videos. Based on theoretical frameworks of folk culture and visual storytelling, this article conducts a qualitative analysis of 20 music videos released between 2016 and 2025. Findings show that folk culture does not only appear as the illustrations of these videos, but also holds a central position in the creation of their plots, characters, settings, symbols, and artistic messages. By incorporating oral literature, religious beliefs, festivals, folk art, customs, traditions, and indigenous knowledge into modern storytelling, V-pop artists have contributed to restructuring Vietnamese cultural identity in digital media environments, while aesthetically differentiating themselves on the global music market. The article suggests theoretical implications as to the evolution of folk culture in the contemporary context, and provides practical suggestions for increased use of heritage values in artistic creation and cultural industries.

Keywords: Folk culture, storytelling, V-pop music videos, cultural identity, digital media.

Ngày nhận bài: 16/12/2025

Ngày phản biện, đánh giá: 10/6/2026

Ngày chấp nhận đăng: 25/6/2026